**ĐIỂN MẪU TRONG NGÔN NGỮ HỌC VÀ CỔ MẪU TRONG PHÊ BÌNH VĂN HỌC**

Nguyễn Thị Hoài Phương

 *Khoa Ngữ Văn, Trường Đại học Sư Phạm – Đại học Huế*

*Email: nguyenhoaiphuongdhsp@mail.com*

***TÓM TẮT***

*Lý thuyết điển mẫu đã được ứng dụng trên nhiều bình diện của ngôn ngữ: từ vựng, ngữ âm, ngữ nghĩa, ngữ pháp. Tuy nhiên, tìm hiểu sâu về hệ hình lý thuyết này chúng tôi nhận thấy tính khả thi của việc đặt lý thuyết điển mẫu trong tương quan với các hệ hình lý thuyết liên ngành. Trong bài viết này chúng tôi đã đặt lý thuyết điển mẫu ở một góc độ khác khi liên kết với lý thuyết thuộc lĩnh vực phê bình văn học - cụ thể là phê bình cổ mẫu. Kết quả có được của quá trình nghiên cứu không hướng đến chỉ ra tính ứng dụng cụ thể của lý thuyết điển mẫu. Sự tương thích của hệ hình lý thuyết này khi đặt trong tương quan với phê bình cổ mẫu sẽ giúp chúng tôi khẳng định về hấp lực của lý thuyết điển mẫu trên nhiều phương diện.*

***Từ khóa:*** *Điển mẫu, điển mẫu ngữ nghĩa, phê bình cổ mẫu, cổ mẫu, tâm lý học*

**1. Đặt vấn đề**

Trong địa hạt nghiên cứu Ngôn ngữ học, phạm trù điển mẫu tồn tại như một hệ hình lí thuyết có nhiều ứng dụng thực tế với các tên gọi khác nhau. Xuất hiện ở các công trình nghiên cứu của Lakoff (1982), Langacker (Ngữ pháp tri nhận - 1987), John Taylor (Phạm trù hóa Ngôn ngữ học - 1995), thuật ngữ điển mẫu có tên khoa học là Prototype hay Prototype theory (lý thuyết điển mẫu). Đối với các công trình nghiên cứu trong nước khi ứng dụng lí thuyết điển mẫu vào hoạt động nghiên cứu Ngôn ngữ học, thuật ngữ điển mẫu xuất hiện với các hình thức gọi tên như: điển hình (Đỗ Hữu Châu), điển dạng (Lý Toàn Thắng), điển mẫu (Nguyễn Văn Hiệp)....

Cho đến nay, lý thuyết điển mẫu đã được ứng dụng trên nhiều bình diện nghiên cứu của ngôn ngữ học (từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa, ngữ âm). Kết quả của việc ứng dụng lý thuyết điển mẫu trong nghiên cứu đã đưa đến những kết luận cụ thể. Đối với mỗi loại hình ngôn ngữ khác nhau, việc ứng dụng lý thuyết điển mẫu lại đem đến những kết quả khác nhau. Ở đây, chúng ta không bàn đến sự khác biệt giữa các loại hình ngôn ngữ khi đem ứng dụng lý thuyết điển mẫu, mà đi sâu bàn về lí do hay rõ hơn là điểm chung mấu chốt khiến hệ hình lý thuyết này có thể ứng dụng nghiên cứu trên nhiều loại hình ngôn ngữ.

Thừa nhận rằng, ngôn ngữ là sản phẩm mang tính dân tộc. Mỗi một loại hình ngôn ngữ lại chứa đựng những đặc trưng riêng biệt trên nhiều bình diện. Tuy nhiên xét dưới góc độ chung nhất, ngôn ngữ là sản phẩm của tư duy con người và mang tính con người. Bám vào yếu tố nhân văn này, chúng tôi cho rằng tính khả dụng của lý thuyết điển mẫu trong nghiên cứu các loại hình ngôn ngữ trên thế giới có thể được xuất phát từ đây. Chính vì lẽ đó, chúng tôi đặt ra giả thiết về mẫu số chung của lý thuyết điển mẫu và nhận thấy sự tương thích đặc biệt giữa hệ hình lý thuyết này với cổ mẫu trong Phê bình cổ mẫu (Archetype) - một trong những khuynh hướng phê bình văn học nổi bật của thế kỷ XX. Cơ sở để chúng tôi khẳng định về mối dây liên kết giữa điển mẫu trong ngôn ngữ học và cổ mẫu trong phê bình văn học là chúng đều gắn với những nghiên cứu về tâm lí con người. Nhận thấy rằng, xưa nay khi bàn đến điển mẫu, giới nghiên cứu thường nói nhiều về tính khả dụng của hệ hình lý thuyết này trên các bình diện ngôn ngữ. Nay, trong bài viết này, chúng tôi cũng muốn bàn về lý thuyết điển mẫu, song ở một góc độ khác khi liên kết với hệ hình lý thuyết thuộc lĩnh vực phê bình văn học.

**2. Nội dung**

*2.2 Lý thuyết điển mẫu - điển mẫu ngữ nghĩa*

 Lý thuyết điển mẫu (Prototype theory) chỉ được định nghĩa một cách chính thức vào năm 1973 trong công trình “Các phạm trù tự nhiên” của Elanor Rosch. Tuy nhiên, truy nguyên về nguồn gốc định hình lý thuyết điển mẫu giới nghiên cứu phát hiện ra hệ lý thuyết này đã được manh nha từ những năm 40 của thế kỷ XX trong công trình “Những khám phá triết học - (1945)” của Ludwig Wittgenstin.

Cơ sở ra đời của lý thuyết điển mẫu là sự nỗ lực chứng minh tính bất hợp lý trong tư duy cổ điển của học thuyết Aristotle khi giải thích nghĩa của từ vựng. Theo đó, học thuyết cổ điển Aristotle đã cung cấp phương pháp định nghĩa từ dựa vào “danh mục kiểm tra”. Nghĩa là, để xác định sự tồn tại của một phạm trù trong một lớp lang ý nghĩa nào đó đều dựa trên cơ sở điều kiện cần và điều kiện đủ. “Thuộc tính của một chủng loại được tách riêng thì là điều kiện cần và kết hợp lại thì là điều kiện đủ, làm nên nội hàm của lớp và những lớp con chứa chúng”[[1]](#footnote-1). Tuy nhiên lý thuyết điển mẫu lại không hướng theo cơ sở điều kiện cần hay đủ của một phạm trù hoặc một chủng loại sự vật. Vấn đề cốt lõi của lý thuyết điển mẫu chính là việc xác định mức độ. Điều này được thể hiện rõ nét thông qua phương pháp định lượng vị trí, mức độ của các thành tố có trong một phạm trù nhất định. Tức là sau khi hội đủ được các thành tố của phạm trù, lý thuyết điển mẫu hướng đến xem xét tư cách của các thành tố ấy. Kết quả có được là sự đánh giá chính xác về mức độ cao hay thấp của từng thành tố, từ đó mà xây dựng trung tâm và ngoại biên của một phạm trù. Những thành tố thuộc phạm vi trung tâm được gọi là điển mẫu.

Như vậy, để đưa ra một định nghĩa về điển mẫu không khó. Vấn đề ở chỗ, người nghiên cứu đang đứng trên bình diện nào trong việc ứng dụng hệ hình lý thuyết này để đưa ra cách hiểu chính xác và cụ thể nhất. Trong phạm vi nghiên cứu điển mẫu dưới góc độ liên kết với phê bình cổ mẫu, chúng tôi tuân theo cách định nghĩa của John Taylor (Phạm trù hóa Ngôn ngữ học - 1995) về thuật ngữ điển mẫu. Theo đó, điển mẫu được hiểu theo hai cách. Một là: Điển mẫu là một yếu tố hay tập hợp nhóm yếu tố trung tâm của một phạm trù. Hai là: Điển mẫu là lõi ý niệm của một phạm trù. Tuy nhiên, đặt lý thuyết điển mẫu trong tương quan với lý thuyết phê bình cổ mẫu, khái niệm điển mẫu được chúng tôi thu hẹp phạm vi, tập trung nghiên cứu về điển mẫu ngữ nghĩa. Thực ra, từ trước đến nay khi xét về tính ứng dụng của hệ lý thuyết điển mẫu trên các bình diện ngôn ngữ thì từ vựng vẫn là địa hạt có nhiều ứng dụng nhất. Về sau, giới nghiên cứu mở rộng cả về biên độ lẫn phạm vi, ngữ pháp, ngữ âm từ đó cũng được đưa vào ứng dụng lý thuyết điển mẫu. Nói như vậy để thấy khái niệm điển mẫu ngữ nghĩa là khái niệm điển hình khi nhắc đến phạm trù lý thuyết điển mẫu.

 Chúng ta có thể hiểu tập hợp tất cả những nét nghĩa được chờ đợi ở một từ (thuộc chủng loại tự nhiên hoặc chủng loại văn hóa) làm thành một sự mặc định của từ đó thì được gọi là điển mẫu ngữ nghĩa. Khi xem xét nét nghĩa tiêu biểu (điển mẫu của một từ ngữ nào đó) giới nghiên cứu khó có thể lí giải được vì sao chúng được cho là trung tâm, được chọn là điển hình. Theo như lí giải của các nhà tri nhận luận, chính cấu trúc của thế giới đã tác động đến cấu trúc ngữ nghĩa, hoạt động tri nhận từ đó vạch được những nét nghĩa trung tâm giúp xác định chính xác vật được quy chiếu. Hiểu ở một góc độ khác, chính nét nghĩa được *chờ đợi* làm nên *sự mặc định* được nói đến ở trên khiến chúng ta liên tưởng đến thao tác tư duy, lựa chọn ngôn ngữ của con người. Tuy nhiên “người nói một ngôn ngữ thường thao tác với cái đã đến lúc được gọi là điển mẫu” [[2]](#footnote-2) điều đó có nghĩa, các nét nghĩa tiêu biểu hiện ra trong đầu óc của con người không thể lí giải vì sao chúng được xem xét ở góc độ điển hình. Bởi người sử dụng ngôn ngữ thao tác với cái điển hình khi nó đã được mặc định sẵn. Mối dây để khẳng định cho thao tác này là đặt chúng dưới góc độ tâm lí học. Ngay chính John Lyons trong công trình “Ngữ nghĩa học dẫn luận” cũng đã khẳng định: “khái niệm điển mẫu ngữ nghĩa có xuất xứ tâm lý học, và về khía cạnh lịch sử có thể gắn với những nghiên cứu tâm lý học...”. Khi thừa nhận, ngôn ngữ là hình thức phản ánh kết quả của quá trình tri nhận con người về thế giới khách quan thì mặc nhiên thừa nhận rằng ngôn ngữ “được kiểm soát bởi những cơ chế bẩm sinh, di truyền” [[3]](#footnote-3). Theo đà nghiên cứu này, liên kết với lý thuyết của Chomsky về cái gọi là ngữ năng chúng ta có “Người ta có thể cho rằng sự hiểu biết nghĩa của một từ là thuộc về ngữ năng được lưu trữ trong bộ não...như là bộ từ vựng tinh thần” [[4]](#footnote-4). Khẳng định trên đã trở thành căn cứ xác thực cho việc thiết lập mối liên hệ giữa điển mẫu với lí thuyết của phê bình cổ mẫu. Khi sự hiểu biết nghĩa (dạng điển mẫu) của một từ thuộc về ngữ năng - tức bị chi phối với các yếu tố bẩm sinh, di truyền - hình thành bộ từ vựng tinh thần thì chúng ta hoàn toàn có thể đem phạm trù điển mẫu đặt trong tương quan với cổ mẫu. Bởi lẽ cơ sở chung giữa hai hệ hình lý thuyết này chính là yếu tố tâm lý.

 *2.2 Phê bình cổ mẫu và cổ mẫu*

 Cùng với Nhân chủng học xã hội, Phân tâm học được xem là cội nguồn sinh khởi của phê bình cổ mẫu. Theo đó, Freud – ông tổ của Phân tâm học đã đưa ra những đề xướng mang tính luận đề làm cứ liệu cho C.G.Jung lập thuyết phê bình cổ mẫu. Cũng giống với lý thuyết điển mẫu, phê bình cổ mẫu ra đời từ rất sớm. Song mãi đến những năm 50, 60 của thế kỷ XX hệ hình lý thuyết này mới thực sự nở rộ, trở thành khuynh hướng nghiên cứu lớn trong lịch sử lí thuyết phê bình văn học. Lấy nền tảng từ thần học, triết học, tâm lý học và nhân chủng học xã hội... phê bình cổ mẫu được xem là khuynh hướng phê bình văn học có khả năng tích hợp, dung chứa nhiều kiến thức liên ngành. Chính vì lẽ đó, chúng tôi mạnh dạn ứng dụng lý thuyết này trong tương quan so sánh với hệ lý thuyết thuộc lĩnh vực ngôn ngữ - lý thuyết điển mẫu để xác lập những điểm tương đồng, khái quát và rút ra những hướng đi mới trong nghiên cứu ngôn ngữ.

 Lịch sử phê bình cổ mẫu ghi nhận C.G.Jung chính là người xác lập nền móng hình thành lí thuyết phê bình cổ mẫu trong thời kỳ hiện đại. Quan điểm của Jung được thể hiện trên nhiều bình diện khi ông bàn về: tác phẩm văn học và nội dung của tác phẩm văn học; quan niệm về nhà văn và bản chất của nhà văn. Chúng ta có thể hình dung tác phẩm văn học giống như những phân số có cùng mẫu số. Chủ thể xác lập mẫu số chung này chính là nhà văn. **Trong khi đó, theo lí giải của Jung nhà văn là những con người đã kiến tạo nên tác phẩm dưới sự điều khiển của một cấu trúc tâm lí vô hình**. Lí thuyết phê bình cổ mẫu cho phép chúng ta xác lập cấu trúc vô hình, hay tính chung phổ quát ấy chính là vô thức tập thể.

 Nếu như cơ sở của lý thuyết điển mẫu là xác định mức độ trung tâm hay ngoại biên của từng thành tố nghĩa thì phê bình cổ mẫu bám chặt vào cấu trúc các cổ mẫu bóc tách và lí giải nó từ các phương diện tâm lí, văn hóa, thể loại. Căn cứ trên lí thuyết đặt ra về tầng bậc của cấu trúc nhân cách, sự tồn tại của vô thức tập thể và hệ thống những cổ mẫu, Jung đã đề phương pháp nghiên cứu văn học theo hướng khảo cổ địa tầng. Ông đặc biệt coi trọng vai trò và ý nghĩa của hệ thống cổ mẫu, xem chúng như là những tấm gương phản chiếu phần sâu thẳm nhất trong tâm trí con người. Từ đó Jung tiến hành tìm kiếm những mẫu hình cơ bản tái diễn trong một chuỗi hệ thống nhất định để đúc rút các ý nghĩa và kinh nghiệm của con người. Thao tác này cho phép người nghiên cứu vượt ra khỏi giới hạn của không gian, thời gian để truy nguyên bản thể, gốc tích của tác phẩm văn học. Về sau lý thuyết phê bình cổ mẫu đã được củng cố và hoàn thiện hơn thông qua những đóng góp của Northrop Frye (*Giải phẫu phê bình - 2008)* đóng góp không nhỏ của Frye cho lí thuyết phê bình cổ mẫu chính là chỗ vạch ra tính xã hội, lịch sử của cổ mẫu cùng những biểu hiện của nó trong lịch sử văn học. Như vậy phương pháp nghiên cứu của Frye đã có những điểm tiến bộ, sâu sắc hơn so với Jung khi đòi hỏi sự nghiên cứu, khảo cổ các mô thức cổ mẫu từ nhiều góc độ nhấn mạnh ở góc độ thể loại.

 Thoạt tiên, chúng ta khó có thể nhận diện mối dây liên kết giữa hai phạm trù lí thuyết điển mẫu và phê bình cổ mẫu. Bởi chỉ căn cứ vào cơ sở và phương pháp thực hiện của hai hệ hình lý thuyết thì khó có thể hình dung được khả năng kết liên giữa chúng. Như chúng tôi đã khẳng định từ đầu, mấu chốt của việc có thể đặt lý thuyết điển mẫu bên cạnh lý thuyết phê bình cổ mẫu là những căn nguyên thuộc về tâm lý học. Điều này sẽ được chúng tôi làm rõ ở phần sau, khi chỉ ra những tương đồng giữa chúng cùng những khả năng áp dụng sự tương thích của hai hệ hình lý thuyết này.

 Cốt lõi của lý thuyết điển mẫu là điển mẫu (Prototype), còn cốt lõi của lý thuyết phê bình cổ mẫu dĩ nhiên là các cổ mẫu (Archetypes). Nếu điển mẫu (đặt trong điển mẫu ngữ nghĩa) là nhóm nét nghĩa trung tâm, mặc định của một phạm trù mang tính đại diện thì cổ mẫu lại là mô hình sơ khởi (có trong các văn bản văn học) xuất hiện từ thời cổ xưa và được xem là mẫu số chung cho các yếu tố tâm thần khó có thể lí giải. Cụ thể hơn, chúng ta có thể hình dung cổ mẫu trong tác phẩm văn học dưới góc nhìn của lý thuyết phê bình cổ mẫu có thể là *Các hình ảnh, các motif hay* thậm chí là *các thể loại[[5]](#footnote-5).* Tuy nhiên chúng không phải là các hình ảnh hay motif thông thường vốn có trong các tác phẩm văn học. Muốn được nhìn nhận dưới góc độ là một cổ mẫu, các hình ảnh hay motif phải thỏa mãn điều kiện: nó không phải là một dự định nghệ thuật nằm trong tầm kiểm soát của ý thức, nó là kết tinh của vô thức tập thể tạo ra những mã khóa huyền dụ đòi hỏi sự dụng công giải mã.

 *2.3 Điển mẫu và cổ mẫu*

 Điểm chung giữa điển mẫu ngữ nghĩa và cổ mẫu là ở chỗ chúng không thể được giải thích bằng các luận cứ thuộc về ý thức. Tức là không thể lí giải một cách tường tận những kết quả có được về điển mẫu cũng như cổ mẫu. Cơ sở chung duy nhất để tìm hiểu chúng chỉ có thể là dùng các học tuyết tâm lý học để giải thích. Chonmsky đưa ra thuật ngữ “ngữ năng”, nghĩa là thừa nhận trong bản thể con người có những khả năng ngôn ngữ được lí giải dưới góc độ bẩm sinh, di truyền. Rằng khi liên hệ đến điển mẫu, người ta cũng không thể lí giải được đối với phạm trù nào đó điển mẫu lại được xác lập theo cách này mà không phải cách khác. Trong khi đó, với lý thuyết phê bình cổ mẫu, C.G.Jung lại cho rằng cổ mẫu là một phạm trù thuộc về vô thức tập thể nằm ngoài tầm kiểm soát của ý thức. Vậy nên giữa điển mẫu và cổ mẫu lờ mờ xác lập một ranh giới chung, đó là ranh giới thuộc về tâm lý.

 Để hiểu rõ hơn về vấn đề này chúng tôi lần lượt đi vào các ví dụ cụ thể. Chẳng hạn đối với điển mẫu ngữ nghĩa: (1) Với từ “chim” điển mẫu ngữ nghĩa của nó được xác lập là “bay” (tất nhiên rằng điển mẫu của từ “chim” còn có các nét nghĩa khác, tuy nhiên trong ví dụ này chúng tôi chỉ lấy một nét nghĩa “bay” làm điển mẫu). Tuy nhiên trên thực tế, không phải tất cả các sự vật được gọi là chim cũng có thể bay được. Chẳng hạn đà điểu cũng là loài chim nhưng lại không bay được. Tuy nhiên khi bàn đến điển mẫu của “chim” người ta nghĩ ngày đến nét nghĩa “động vật biết bay”. Hoặc giả, trong tiếng Việt điển mẫu ngữ nghĩa của từ “quả, trái” là “tròn” mặc dù thực tế quả hay trái không nhất thiết phải tròn, nó có thể dài (quả mướp), hình ngôi sao (quả khế)...Điều này giải thích vì sao người Việt gọi vật gì tròn là quả/trái (quả bóng, trái tim, quả đất). Đây là kết quả của điển mẫu. Ở một ví dụ khác, **John Lyons** khi trình bày lý thuyết điển mẫu đã đưa ra ví dụ điển mẫu của từ “dog”. Căn cứ vào định nghĩa của từ này, John Lyons đã cho thấy sự tương phản trong hai cách định nghĩa của **Longman và Collins**. Đồng thời với việc chỉ ra sự khác nhau khi định nghĩa từ “dog” John Lyons đi đến khẳng định “**Đôi khi nghĩa miêu tả của một từ vị có thể được giải thích thông qua sự khúc giải ít nhiều đồng nghĩa, trong những trường hợp khác, nó có thể được chuyển tải tốt nhất thông qua một định nghĩa được coi là không hoàn chỉnh và bỏ ngỏ về điển mẫu”**[[6]](#footnote-6). Thông qua ba ví dụ trên chúng ta nhận thấy, nét nghĩa được xem là điển mẫu của một từ ngữ (phạm trù sự vật tồn tại trong thế giới khách quan) được hình thành từ các cảm quan ngôn ngữ của con người chứ không hoàn toàn phụ thuộc vào bản chất và các đặc trưng vốn có của nó trong thực tế. Vì rằng với những cảm quan khác nhau, các nét nghĩa được cho là điển mẫu mang tính đại diện cho một sự vật, hiện tượng lại được hình thành khác nhau. Lí giải về điều này, chúng ta chỉ có thể đứng từ phương diện tâm lý con người. Ngôn ngữ là phương tiện miêu tả, chuyển tải và phản ánh thế giới, điều này không có nghĩa rằng tất cả những gì tồn tại hiển nhiên trong thế giới khách quan có quyền chi phối hoàn toàn đến ngôn ngữ. Vì thực tế ngôn ngữ có những phương thức truyền đạt, phản ánh riêng mà không phải thực tế nào cũng tác động chân xác được.

 Đối với cổ mẫu, giới nghiên cứu tìm thấy những mô hình văn học xuất hiện xuyên suốt (lặp đi lặp lại) trong hệ thống truyện kể dân gian không chỉ ở giới hạn ở một quốc gia, dân tộc. Sự lặp lại có tính quy luật đã được giới nghiên cứu văn học giải thích bằng thuật ngữ cổ mẫu. Người ta nhận thấy rằng sự lặp lại nói trên của các mô hình trong các tác phẩm văn học không thuộc phạm trù mang dụng ý nghệ thuật của người sáng tác. Những nghiên cứu dưới góc nhìn phê bình cổ mẫu chỉ rõ chúng là những sản phẩm được thoát thai từ vô thức tập thể và có khả năng dung chứa trong bản thể những đặc trưng văn hóa, huyền dụ. Điển mẫu hay cổ mẫu chúng đều là những mẫu hình lí tưởng, tức là chúng có khả năng đại diện hoặc mang tính đại diện. Chính sự không lí giải được một cách có ý thức của con người về cổ mẫu vậy nên chúng được xem là các sản phẩm văn hóa, kết tinh kinh nghiệm sống của con người được đúc kết trong tầng bậc của vô thức nhưng lại là vô thức tập thể.

 Chẳng hạn, xét trong hệ thống truyện kể dân gian của người Việt, dưới góc nhìn của lý thuyết phê bình cổ mẫu người ta thống kê được hệ thống các cổ mẫu như sau: Nhóm cổ mẫu nhân vật: cổ mẫu mẹ, cổ mẫu anh hùng; Nhóm cổ mẫu trạng huống: cổ mẫu nhiệm vụ, cái chết và sự tái sinh; Nhóm cổ mẫu biểu trưng: màu sắc (đỏ, vàng, trắng, xanh, đen) vũ khí ma thuật (yếm thần, nỏ thần...) con số (ba, bốn, bảy, chín...) Tất nhiên với mỗi cổ mẫu (nhóm cổ mẫu), đằng sau chúng đều chứa đựng những ý nghĩa về văn hóa, kinh nghiệm mang màu sắc huyền dụ trong quá trình phản ánh thế giới khách quan. Điều quan trọng để có thể nâng chúng lên thành cổ mẫu (không phải bất cứ các biểu tượng hay motif nào cũng được xem là cổ mẫu) chính là vì giá trị ý nghĩa mà chúng dung chứa. Hơn thế chúng lại là sản phẩm thuộc về thế giới tinh thần - phần vô thức trong cấu trúc tâm lý con người mà bằng những ý thức có sẵn con người không thể lí giải được.

 Để thấy được mối liên hệ giữa điển mẫu và cổ mẫu chúng tôi đã sử dụng một phép thử. Khi lựa chọn một đối tượng làm mẫu số chung cho cả hai hệ thống lý thuyết sau đó nhìn nhận dưới hai góc độ: khi là điển mẫu đối tượng ấy mang những đặc điểm gì? Sử dụng thao tác tương tự với lý thuyết cổ mẫu. Kết quả của phép thử cho chúng ta thấy rõ tính khả thi của việc đặt lý thuyết điển mẫu trong tương quan với phê bình cổ mẫu.

 Đối tượng được chúng tôi lựa chọn là “Mẹ”. Xem xét từ “Mẹ” với tư cách là một danh từ, đặt dưới góc độ của lý thuyết điển mẫu chúng tôi hình thành các nét nghĩa về Mẹ như sau:

- Là người phụ nữ có con

- Trong mối quan hệ với con

- Nữ tính

- Yêu thương, chăm sóc con cái...

--

 : Trung tâm

 : Ngoại biên

Dưới góc độ là một cổ mẫu, các đặc trưng về cổ mẫu Mẹ được chỉ ra như sau: Cổ mẫu Mẹ xuất hiện với vô số những dạng thức và các cạnh khía khác nhau. Cổ mẫu Mẹ có thể xuất hiện trong hình hài của: Một người phụ nữ; Người phụ nữ trong mối quan hệ với con (mẹ, mẹ kế, mẹ chồng, bà ngoại...); Nữ thần (Mẹ Thiên Chúa, Trinh nữ, Thánh nữ...) Cổ mẫu Mẹ thường gắn với các đặc tính sinh sản, thúc đẩy sự phát triển, ươm mầm và duy trì sự sống cho muôn loài. Chẳng vậy mà C.G.Jung đã khẳng định: “Loại nguyên mẫu này thường liên quan đến những thứ và những nơi có khả năng sinh sản, sinh sôi nảy nở: mùa nắng, ruộng cày, vườn. Nó có thể được gắn vào đá, hang động, cây, lò xo hoặc giếng sâu...”[[7]](#footnote-7). Bên cạnh đó, loại hình cổ mẫu này còn mang những đặc tính khác như: vẻ đẹp nữ tính, tình yêu thương, sự ấm áp; phẩm chất ân cần, thông cảm, cao thượng; sự khôn ngoan, sự mạnh mẽ, kiên cường và quyền năng cai quản...

 Đem đối chiếu kết quả có được sau khi đặt Mẹ dưới hai góc nhìn, chúng ta nhận thấy có sự tương thích về mặt nội dung. Mẹ dưới góc nhìn điển mẫu ngữ nghĩa hay cổ mẫu đều thống nhất cơ bản ở đặc trưng: người phụ nữ trong mối quan hệ với con, chứa đựng đặc tính sinh sản, phẩm chất yêu thương và vẻ đẹp nữ tính. Như vậy, sự tương thích về mặt nội dung này đã đưa chúng ta đến với kết luận, rằng: lý thuyết điển mẫu và phê bình cổ mẫu hoàn toàn có thể đặt trong mối quan hệ tương quan với nhau. Ngôn ngữ suy cho cùng cũng là phương tiện của tư duy con người chuyển tải sự phản ánh thế giới quan con người về những gì xung quanh. Và tác phẩm văn học lại là sự cụ thể hóa kết quả của quá trình phản ánh ấy. Thuận theo tính chất bắc cầu, rõ ràng giữa ngôn ngữ và tác phẩm văn học có mối liên kết chặt chẽ với nhau. Vì rằng chúng đều là phương tiện chuyên chở một nội dung phản ánh thế giới quan của con người. Vậy nên, việc chúng ta đặt điển mẫu trong tương quan với cổ mẫu là hoàn toàn có thể.

**3. KẾT LUẬN**

 Với việc đặt lý thuyết điển mẫu trong tương quan với phê bình cổ mẫu, trong khuôn khổ của bài viết chúng tôi không hướng đến việc minh chứng rõ nét sự tương thích giữa hai hệ hình lý thuyết bằng những dẫn chứng có tính ứng dụng cụ thể. Ở đây, chúng tôi hướng đến việc làm rõ các đặc trưng lý thuyết của mỗi phạm trù và chỉ ra khả năng kết liên giữa chúng. Trong nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học, điển mẫu dường như còn là mảnh đất màu mỡ chứa đầy những hấp lực đặc biệt. Việc ứng dụng lý thuyết điển mẫu trên các bình diện ngôn ngữ trở thành một đề tài quá quen thuộc khi nhắc hệ hình lý thuyết này. Vậy nên chúng tôi mạnh dạn đặt lý thuyết điển mẫu bên cạnh phê bình cổ mẫu với mục tiêu khơi sâu những vấn đề nội hàm của hai hệ hình lý thuyết. Mối kết liên giữa chúng có thể là manh mối quan trọng, gợi mở cho những hướng nghiên cứu sau này.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Đào Ngọc Chương (2008), *Phê bình huyền thoại*, Nxb Đại học Quốc gia TP HCM.

Chevalier Jean, Gheerbrant Alain (1997), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới,* Nxb Đà Nẵng, Trường Viết Văn Nguyễn Du.

Hoàng Dũng, Bùi Mạnh Hùng, (2007), Giáo trình dẫn luận Ngôn ngữ học, Nxb Đại học Sư Phạm

Nguyễn Văn Hiệp, (2015), Ngôn ngữ học Việt Nam 30 năm đổi mới và phát triển, Tạp chí ngôn ngữ số 08.

Jung, C.G (2004) *Four archetype: Mother, Rebirth, Spirit, Tricsker* (Translated by R.F.C.Hull), Taylor &Francis e-Library.

John Taylor (1995)Linguistic categoiation - Prototype in Linguistic Theory. Oxford. Clarendon Press.

John Lyons, (2009), Ngữ nghĩa học dẫn luận (Bản dịch của Nguyễn Văn Hiệp), Nxb Giáo dục.

**THÔNG TIN CÁ NHÂN**

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hoài Phương

- Đơn vị công tác: Tổ Ngôn ngữ- Hán Nôm, khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Huế

- Hướng nghiên cứu: Ngôn ngữ ứng dụng, Văn học dân gian

- Số ĐT liên hệ: 01675113047

**PROTOTYPE IN** **LINGUISTIC AND ARCHETYPE IN LITERATURE**

**Nguyen Thi Hoai Phuong**

*Department of Literature, Hue University College of Education*

*Email: nguyenhoaiphuongdhsp@gmail.com*

**ABSTRACT**

*Prototype theory is one of the linguitics. It has been applied in many aspects of the language: vocabulary, phonetics, semantics, grammar. However, researching in literature, we get results of the similarities between Prototype and Archetype. We hope that the results of researching can provide the meaning of the Prototype in many fields.*

***Keywords****: Prototype, linguistic, Archetype,* *psychology.*

1. John Lyons, (2009), Ngữ nghĩa học dẫn luận (Bản dịch của Nguyễn Văn Hiệp), Nxb Giáo dục, Tr116 [↑](#footnote-ref-1)
2. John Lyons, (2009), Ngữ nghĩa học dẫn luận (Bản dịch của Nguyễn Văn Hiệp), Nxb Giáo dục, Tr113 [↑](#footnote-ref-2)
3. John Lyons, (2009), Ngữ nghĩa học dẫn luận (Bản dịch của Nguyễn Văn Hiệp), Nxb Giáo dục, Tr115 [↑](#footnote-ref-3)
4. John Lyons, (2009), Ngữ nghĩa học dẫn luận (Bản dịch của Nguyễn Văn Hiệp), Nxb Giáo dục, Tr117 [↑](#footnote-ref-4)
5. Dịch giả Đào Ngọc Chương trong cuốn *Phê bình huyền thoại* ở phần Phụ lục đã cung cấp hệ thống lí thuyết liên quan đến khuynh hướng tiếp cận huyền thoại và cổ mẫu được dịch từ cuốn sách nổi tiếng của nhiều tác giả - *A handbook of Critical Approaches to Literature* (Hướng dẫn các hướng tiếp cận phê bình đối với văn học) xuất bản tại New York năm 1992. [↑](#footnote-ref-5)
6. John Lyons, (2009), Ngữ nghĩa học dẫn luận (Bản dịch của Nguyễn Văn Hiệp), Nxb Giáo dục, Tr114 [↑](#footnote-ref-6)
7. Jung, C.G (2004) *Four archetype: Mother, Rebirth, Spirit, Tricsker* (Translated by R.F.C.Hull), Taylor &Francis e-Library.7, tr14 [↑](#footnote-ref-7)